

Số: 457/KH-DTNT

Hội An, ngày 30 tháng 12 năm 2020

**KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ TỈNH QUẢNG NAM
GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN 2030**

PHẦN A. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1. Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;
2. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo;
3. Nghị quyết 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.
4. Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) ban hành chương trình giáo dục phổ thông;
5. Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;
6. Thông tư số 01/2016/TT-BGDĐT ngày 15/01/2016 của Bộ GDĐT ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú;
7. Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GDĐT ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;
8. Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GDĐT ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;
9. Nghị quyết 11-NQ/TU ngày 25/4/2017 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ bảy, khóa XXI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025.
10. Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 15/12/2014 của Ban thường vụ Tỉnh ủy về công tác cán bộ người dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2020 và định hướng đến năm 2025.
11. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Nam lần thứ XII nhiệm kỳ 2020-2025.

PHẦN B. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Trường Phổ thông Dân tộc nội trú (PTDTNT) tỉnh Quảng Nam được thành lập theo Quyết định số 220/1997/QĐ-UB ngày 28/01/1997 của UBND tỉnh Quảng Nam, trên cơ sở tổ chức lại Trường Phổ thông Nội trú dân tộc tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng (cũ). Nhà trường có nhiệm vụ nuôi dạy học sinh các dân tộc miền núi, nhằm góp phần tạo nguồn đào tạo cán bộ dân tộc thiểu số, nguồn nhân lực có chất lượng cho các địa phương miền núi của tỉnh.

Những năm qua, với sự quan tâm của các cấp, các ngành, sự nỗ lực vươn lên của thầy và trò, nhà trường đã đạt được những thành tựu nhất định, là trường cấp trung học phổ thông (THPT) đạt chuẩn quốc gia (năm 2012); được đánh giá ngoài và công nhận đạt chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3 (năm 2015). Đa số học sinh sau khi hoàn thành 12 ra trường, thi đỗ tốt nghiệp trung học phổ thông, được học lên bậc đại học, cao đẳng và được các địa phương bố trí, sử dụng trong hệ thống chính trị ở các huyện miền núi và đa số trưởng thành, là cán bộ chủ chốt cấp huyện, cấp xã các địa phương miền núi. Nhà trường đã tạo được niềm tin đối với đồng bào các dân tộc và với xã hội.

Tuy nhiên, trong giai đoạn hiện nay, nhu cầu nguồn cán bộ trong hệ thống chính trị cấp xã, cấp huyện các địa phương miền núi ngày càng thu hẹp; nhiều học sinh của trường hoàn thành đại học, cao đẳng ra trường nhưng chưa được tuyển dụng công tác, hiệu quả sử dụng học sinh ra trường đạt thấp hơn giai đoạn trước đây. Tình hình đó, việc xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường trong giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2020 nhằm xác định mục tiêu, giải pháp chiến lược, chuyển hướng phát triển nhà trường phù hợp với thực tiễn nhu cầu nguồn cán bộ, nguồn nhân lực các địa phương miền núi trong tình hình mới là hết sức cần thiết.

I. Môi trường bên trong

1. Quy mô trường, lớp học

Quy mô nhà trường ổn định mỗi năm học 15 lớp cấp THPT, với trên dưới 460 học sinh; mỗi lớp từ 31 đến 32 học sinh¹.

Riêng năm học 2020-2021, Trường có 15 lớp, 458 học sinh. Trong đó:

Khối 10: gồm 05 lớp 154 học sinh;

Khối 11: gồm 05 lớp, 152 học sinh;

Khối 12: gồm 05 lớp, 152 học sinh.

2. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

TT	Vị trí công tác/bộ môn giảng dạy	Tổng số/nữ	Trình độ Đại học		Trình độ Thạc sỹ		CC chính trị	TC chính trị
			SL	TL	SL	TL		
1	Hiệu trưởng	01	01	100				01
2	Phó Hiệu trưởng	02/01	01	50	01	50	01	01
3	Giáo viên	30/20	21	70	09	30		02

¹ Theo Quy chế về tổ chức và hoạt động của trường PTDTNT, ban hành theo Thông tư số 01/2016/TT-BGDĐT ngày 15/01/2016 của Bộ GD&ĐT, trường PTDTNT có quy mô không quá 35 học sinh/lớp.

	- Ngữ Văn	02/02	02	100				
	- Toán	05/05	02	40	03	60		
	- Tiếng Anh	05/05	03	60	02	40		
	- Vật lý	02/02	01	50	01	50		
	- Hóa học	02/02	01	50	01	50		
	- Sinh học	02/02	01	50	01	50		
	- Lịch sử	01	01	100				
	- Địa lý	02	02	100				
	- Tin học	01/01	01	100				
	- GDCD	01	01	100				
	- Công nghệ	01	01	100				
	- Thể dục, ANQP	04	04	100				
	- Âm nhạc	01/01			01	100		01
	- HĐ trải nghiệm	01	01	100				01
4	Nhân viên	20/16	04	20	01	5		01
	Tổng cộng	53/37	27	50.9	11	20.7	01	05

- Kết quả đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên năm học 2019-2020, có 11 loại tốt (tỷ lệ 36,6%); 19 loại khá (tỷ lệ 63,4%)

- Kết quả đánh giá chuẩn Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng có 01 loại tốt (tỷ lệ 33,3%), 02 loại khá (tỷ lệ 66.7%).

3. Chất lượng giáo dục toàn diện

- Kết quả xếp loại hai mặt giáo dục năm học 2019-2020

Lớp	Sĩ số	Học lực										Hành kiểm							
		Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu		Kém		Tốt		Khá		Trung bình		Yếu	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
Toàn trường	466	69	14.8	255	54.7	142	30.5	0		0		451	96.8	14	3.0	0		0	
Khối 10	154	17	11.0	87	56.5	50	32.5	0		0		143	92.9	11	7.1	0		0	
Khối 11	154	27	17.5	67	43.5	60	39.0	0		0		153	99.4	01	0.6	0		0	
Khối 12	158	25	15.8	101	63.9	32	20.3	0		0		155	98.1	03	1.9	0		0	

- Kết quả thi TN THPT năm 2020, có 158/159 học sinh đỗ tốt nghiệp (tỷ lệ 99,4%). Kết quả trúng tuyển vào đại học, cao đẳng đạt 92,4%.

- Kết quả thi học sinh giỏi 12 đạt 17 giải, gồm 01 Nhất, 05 Nhì, 06 giải Ba, 05 giải KK và đạt giải nhì toàn đoàn Bảng B.

- Đa số học sinh có tiến bộ trong lối sống, nếp sống, tích cực tham gia các hoạt động; có động cơ học tập, rèn luyện tích cực.

4. Cơ sở vật chất:

- Trường đóng chân trên địa bàn thành phố Hội An, là một trong các trung tâm văn hóa, kinh tế của tỉnh, môi trường xung quanh trường đóng chân đảm bảo an cho CBVC và HS và có nhiều thuận lợi cho nhà trường trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục; kết nối giao thông thuận lợi trong việc tổ chức đưa, đón học sinh về địa phương, tập trung trở lại trường.

- Trường có tổng diện tích khuôn viên 28.500m^2 , bình quân diện tích/HS là 61m^2 . Riêng diện tích xây dựng khu nội trú là 3.000m^2 , bình quân trên mỗi HS nội trú là $6,5\text{m}^2$.

- Về cơ sở vật chất tối thiểu:

+ Khối phòng hành chính quản trị:

Gồm 01 nhà 2 tầng, với 12 phòng làm việc, cho hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng văn phòng, phòng làm việc của Đảng ủy, Công đoàn và các bộ phận công tác văn thư, kế toán, quản trị; bên trong các phòng trang bị đầy đủ điều kiện làm việc;

Có phòng bảo vệ, đặt ngay cổng ra vào; có nhà để xe cho CBVC có mái che và đủ diện tích;

Khu vệ sinh dành cho CBVC được bố trí theo các khối phòng chức năng; nam, nữ riêng biệt; số lượng thiết bị vệ sinh tương đối bảo đảm.

+ Khối phòng học tập:

Gồm có 18 phòng học thông thường, trong đó có 08 phòng trang bị tivi phục vụ dạy học; có 4 phòng bộ môn: Lý, Hóa, Sinh, Tin học bảo đảm diện tích và thiết bị bên trong và 01 nhà đa năng.

+ Khối phòng hỗ trợ học tập:

Gồm Thư viện đạt chuẩn Thư viện trường học xuất sắc; 01 phòng truyền thống; 01 phòng Đoàn TN và Tư vấn học đường.

+ Khối phụ trợ:

Gồm có 01 phòng họp chung toàn thể CBVC; 05 phòng làm việc của các tổ chuyên môn (riêng biệt từng tổ); 01 phòng y tế bảo đảm diện tích tối thiểu và đầy đủ trang thiết bị; có 03 phòng kho; nhà để xe học sinh có mái che; khu vệ sinh học sinh được bố trí ở khu phòng học và bên trong các phòng ở nội trú học sinh đều có nhà vệ sinh khép kín.

Trường có hệ thống cổng, tường rào khép kín, bảo đảm an ninh, an toàn; có sân luyện tập thể thao; sân chơi cho HS.

+ Khối phục vụ sinh hoạt:

Trường có 01 nhà ăn tập thể 2 tầng, đảm bảo điều kiện cần thiết tổ chức ăn cho quy mô 500 HS nội trú. Khu phòng ở nội trú gồm 3 nhà 2 tầng, với 70 phòng, mỗi phòng đủ điều kiện bố trí ở từ 6 đến 8 HS, có phòng vệ sinh bên trong; có 01 phòng quản lý học sinh nội trú bố trí trong khu nội trú HS.

+ Hạ tầng kỹ thuật:

Trường có hệ thống cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt HS và CBVC; có hệ thống cấp điện bảo đảm công suất sử dụng; có trang bị phương tiện phòng cháy,

chữa cháy theo quy định; Hệ thống công nghệ thông tin, liên lạc bảo đảm điều kiện trước mắt; có thùng thu gom rác, hợp đồng công ty vệ sinh lấy rác định kỳ (3 lần/tuần)

+ Thiết bị dạy học:

Bảo đảm thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định.

5. Nhận định về điểm mạnh, điểm yếu và hướng khắc phục

5.1. Điểm mạnh

- Trường có bề dày thành tích 35 năm xây dựng và phát triển; được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhất (năm 2010) và 10 năm học qua liên tục được công nhận Tập thể Lao động xuất sắc; được tặng thưởng nhiều Cờ thi đua của UBND tỉnh, Cờ thi đua của Chính phủ; Đảng bộ liên tục được xếp loại hoàn thành xuất sắc, hoàn thành tốt nhiệm vụ; Công đoàn, Đoàn TN liên tục được xếp loại vững mạnh xuất sắc.

- Đa số CBVC, nhất cán bộ quản lý và giáo viên có tinh thần trách nhiệm, gần bó thương yêu học sinh, có kinh nghiệm nhất định trong công tác giáo dục, giảng dạy với đối tượng học sinh; có ý thức bồi dưỡng về chuyên môn; đa số GV tiếp cận yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh. Trong 3 năm học qua, đã có 15 GV (tỷ lệ 48,3%) được công nhận GV dạy giỏi cấp trường; 05 GV (tỷ lệ 16%) được công nhận GVDG cấp tỉnh.

Về trình độ đào tạo, hiện có 100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên làm công tác chuyên môn đạt chuẩn đào tạo, bồi dưỡng theo quy định, trong đó đối với cán bộ quản lý và giáo viên hiện có 12/33 đã và đang đào tạo Cao học (tỷ lệ 36,4%).

- Từ năm học 2017-2018, Sở GDĐT đã tham mưu UBND tỉnh thực hiện công tác tuyển sinh vào lớp 10 Trường PTDTNT tỉnh bằng hình thức thi tuyển, lấy chỉ tiêu toàn tỉnh, không phân biệt huyện, nhờ đó chất lượng tuyển sinh vào trường có độ đồng đều hơn và hạn chế được số học sinh yếu, kém.

- Quy mô học sinh hằng năm ổn định 15 lớp THPT (mỗi khối 5 lớp) với tổng số trên dưới 460 học sinh. Đa số học sinh có cố gắng trong học tập, rèn luyện. Hằng năm có trên 60% học sinh khá, giỏi; số học sinh xếp loại học lực yếu dưới 1%; tỷ lệ HS thi đỗ tốt nghiệp THPT những năm gần đây đạt trên 98%; học sinh trúng tuyển vào đại học, cao đẳng đạt trên 90%. Hằng năm có trên 99% học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt; không có HS xếp loại hạnh kiểm yếu.

- Diện tích khuôn viên nhà trường bảo đảm. Trường đã được đầu tư có tương đối đầy đủ các hạng mục CSVC, trang thiết bị dạy học, đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục, ăn ở nội trú.

5.2. Điểm yếu

- Chất lượng giáo dục tuy có chuyển biến khá, tuy nhiên chất lượng “mũi nhọn” vẫn còn hạn chế; học sinh còn bị động trong học tập, hạn chế trong việc tiếp cận công nghệ mới; đa số tư duy khoa học tự nhiên, năng lực, kết quả học tập Ngoại ngữ còn hạn chế.

- Số lượng, cơ cấu giáo viên chưa cân đối giữa các bộ môn; đội ngũ cán bộ chủ chốt và giáo viên của Trường còn thiếu cốt cán chuyên môn; một bộ phận giáo viên còn hạn chế về một số yêu cầu trong việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông như: hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học kỹ thuật, ứng dụng thành thạo công nghệ thông tin vào dạy học; dạy học STEM.

- Cơ sở vật chất nhà trường do xây dựng lâu, một số hạng mục đến giai đoạn xuống cấp (nhà lớp học, khu nội trú); trang thiết bị dạy học hiện đại còn thiếu; một số hạng mục cơ sở vật chất còn thiếu hoặc chưa bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, như: thiếu phòng bộ môn, thiếu phòng sinh hoạt chung cho HS nội trú, sân tập thể thao chưa bảo đảm, thiếu hệ thống thoát nước, khu vệ sinh lớp học chưa bảo đảm tiêu chuẩn,...

II. Môi trường bên ngoài

1. Thời cơ

- Kinh tế đất nước phát triển, nhiều cơ hội việc làm. Đảng và Nhà nước xác định giáo dục là quốc sách hàng đầu, đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển; Đảng và Nhà nước có chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo.

- Trong những năm qua, tỉnh Quảng Nam có tốc độ phát triển kinh tế nhanh. Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã có nhiều chủ trương đầu tư phát triển kinh tế xã hội và giáo dục miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, quan tâm phát triển hệ thống các trường PTDTNT của tỉnh. Trong đó, có chủ trương đầu tư nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Chủ trương đó được thể hiện qua một số văn bản sau:

+ Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 28/12/2012 Hội nghị Tỉnh ủy Quảng Nam lần thứ 13 (Khóa XX) “Phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo tỉnh Quảng Nam đến năm 2020” đã có chủ trương “*Nâng cấp các trường phổ thông dân tộc nội trú huyện thành trường có nhiều cấp học; đầu tư nâng cao chất lượng dạy, học và phát triển Trường Phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh thành trường chất lượng cao dành cho con em người dân tộc thiểu số*”;

+ Thông báo số 497-TB/TU ngày 10/9/2014 của Tỉnh ủy Quảng Nam về ý kiến Kết luận của đồng chí Nguyễn Đức Hải, Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy tại buổi làm việc với Trường PTDTNT tỉnh, đã “*thống nhất chủ trương xây dựng Đề án phát triển Trường PTDTNT tỉnh thành trường chất lượng cao cho học sinh các dân tộc thiểu số của tỉnh Quảng Nam*”;

+ Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 27/11/2015 tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Nam lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2015-2020 đã nêu rõ: “*Xây dựng Trường Phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh thành trường chất lượng cao cho học sinh là con em đồng bào dân tộc thiểu số*”;

+ Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 10/12/2015 về Phương hướng, nhiệm vụ năm 2016 của Tỉnh ủy Quảng Nam có nêu: “*Đầu tư xây dựng Trường Phổ thông*

trung học dân tộc nội trú tỉnh thành trường chất lượng cao cho học sinh là con em đồng bào dân tộc thiểu số”.

- Nhà trường được sự quan tâm hỗ trợ, giúp đỡ của các huyện miền núi và Thành phố Hội An.

2. Nguy cơ, thách thức

- Yêu cầu đổi mới giáo dục, yêu cầu thực hiện Đề án nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường khi được phê duyệt, đòi hỏi đội ngũ CBQL và GV phải có sự chuyển biến, thay đổi về chất. Một số giáo viên có thể không đáp ứng yêu cầu đổi mới GDPT.

- Tuy những năm gần đây kinh tế, xã hội của tỉnh có bước phát triển. Tuy nhiên, nhìn chung điều kiện KTXH miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh vẫn còn không ít khó khăn, có tác động không thuận lợi đến công tác phối hợp nhà trường và gia đình trong công tác giáo dục học sinh.

- Cơ chế, chính sách về giáo dục nói chung và cơ chế, chính sách đối với trường chuyên biệt PTDTNT nói riêng vẫn còn một số bất cập, có khó khăn cho nhà trường trong thực hiện nhiệm vụ giáo dục, nâng cao chất lượng.

- Tác động mặt trái của nền kinh tế thị trường, của lối sống hiện đại do xu thế hội nhập có ảnh hưởng tiêu cực đến nhận thức, lối sống của một bộ phận thanh, thiếu niên.

- Trường PTDTNT tỉnh Quảng Nam có nhiệm vụ tạo nguồn đào tạo cán bộ, nguồn nhân lực chất lượng cho các địa phương miền núi. Tuy nhiên, những năm qua, nhu cầu nguồn cán bộ các địa phương miền núi ngày càng thu hẹp, nhiều học sinh của Trường tốt nghiệp đại học ra trường không có việc làm; việc thực hiện mục tiêu tạo nguồn đào tạo cán bộ không còn phù hợp; động lực học sinh đi học có suy giảm.

PHẦN B: ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC

1. Sứ mệnh

Tiếp tục xây dựng nhà trường có môi trường học tập, sinh hoạt, ăn ở nội trú bảo đảm nền nếp, kỷ cương, thân thiện, có chất lượng cao, để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển toàn diện, có triển vọng để tạo nguồn đào tạo cán bộ chất lượng cao, trí thức dân tộc thiểu số, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội miền núi của tỉnh thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

2. Tầm nhìn

Trường PTDTNT tỉnh Quảng Nam là một trong những trường THPT, PTDTNT chất lượng cao; trường PTDTNT hàng đầu về mọi mặt của tỉnh; được học tập, rèn luyện tại đây là vinh dự và là niềm tự hào của mọi học sinh; là nơi mà CBVC và học sinh luôn có khát vọng vươn lên xuất sắc.

3. Giá trị cốt lõi

- Tinh thần đoàn kết;
- Tinh thần trách nhiệm;

- Lòng nhân ái, yêu thương, thấu hiểu, tôn trọng sự khác biệt;
- Lòng tự trọng;
- Tính trung thực;
- Tính sáng tạo;
- Khát vọng vươn lên

4. Phương châm hành động:

PHẦN C: MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC

I. Mục tiêu chung:

Thực hiện chương trình giáo dục nhằm giúp học sinh các dân tộc thiểu số học tập tại trường phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, nhân cách, năng lực cá nhân; có khả năng tự học và ý thức học tập suốt đời; có khả năng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực, sở thích, điều kiện, hoàn cảnh của bản thân để tiếp tục học lên đại học và chuyên nghiệp hoặc đi vào cuộc sống lao động, trở thành những cán bộ có năng lực tốt, trí thức dân tộc thiểu số, góp phần phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội miền núi của tỉnh trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Phân kỳ mục tiêu:

- Năm học 2021-2022: Đạt trường chuẩn chất lượng mức độ 2; đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.
- Năm học 2024-2025: Đạt trường chuẩn chất lượng mức độ 3; đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

II. Mục tiêu cụ thể

Củng cố toàn diện Trường PTDTNT tỉnh, đầu tư xây dựng trường có chất lượng cao, phát triển toàn diện trên cơ sở thực hiện tốt Quy chế tổ chức và hoạt động trường PTDTNT theo quy định của Bộ GD&ĐT.

2.1. Ưu tiên đầu tư xây dựng cơ sở vật chất với đầy đủ các hạng mục công trình, trang thiết bị phục vụ dạy học đồng bộ, hiện đại; thiết bị, phương tiện làm việc văn phòng, trang thiết bị phục vụ ăn ở, sinh hoạt nội trú của học sinh, bảo đảm đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất trường THPT mức độ 1 (vào năm 2022), mức độ 2 (vào năm 2024) theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

2.2. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách theo quy định của Nhà nước; kiến nghị có cơ chế, chính sách riêng của tỉnh, tạo động lực thu hút và động viên cán bộ, giáo viên, học sinh tích cực nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục, phục vụ.

2.3. Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu và đạt mức cao của chuẩn nghề nghiệp; nâng tỉ lệ giáo viên, cán bộ quản lý có trình độ cao, thực chất về chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học, đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình GDPT mới và nâng cao chất lượng giáo dục.

Đến năm 2025, có ít nhất 60% cán bộ quản lý, giáo viên giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ, đạt giáo viên dạy giỏi các cấp; sử dụng thành thạo công nghệ thông tin, thiết bị dạy học hiện đại trong dạy học, quản lý; 25% cán bộ quản lý, giáo viên được đào tạo sau đại học; 10% cán bộ quản lý, giáo viên người dân tộc thiểu số.

Đến năm 2030, có ít nhất 80% cán bộ quản lý, giáo viên giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ, đạt giáo viên dạy giỏi các cấp; sử dụng thành thạo công nghệ thông tin, thiết bị dạy học hiện đại trong dạy học, quản lý; 50% cán bộ quản lý, giáo viên được đào tạo sau đại học; 20% cán bộ quản lý, giáo viên người dân tộc thiểu số.

2.4. Tạo chuyển biến cơ bản về chất lượng giáo dục theo hướng tiếp cận dần trình độ của các trường có chất lượng cao, trường chuyên; đảm bảo cho học sinh có kiến thức phổ thông toàn diện; có đạo đức, tri thức và sức khỏe; có kỹ năng hoạt động xã hội, có tinh thần đoàn kết, biết giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội miền núi của tỉnh.

Đến năm 2025, có ít nhất 75% học sinh được xếp loại học lực khá, giỏi; 70% học sinh giỏi, khá về ngoại ngữ; 80% học sinh giỏi, khá về tin học.

Đến năm 2030, có ít nhất 85% học sinh được xếp loại học lực khá, giỏi; 80% học sinh giỏi, khá về ngoại ngữ; 90% học sinh giỏi, khá về tin học.

PHẦN D: CÁC GIẢI PHÁP CHIẾN LƯỢC

I. Chiến lược tổ chức - quản lý nhà trường:

1. Xây dựng cơ cấu tổ chức nhà trường phù hợp và đúng qui định của pháp luật, của điều lệ trường phổ thông và quy chế về tổ chức và hoạt động của trường PTDTNT.

2. Thực hiện đúng Đề án vị trí việc làm, sử dụng hợp lý nguồn nhân lực hiện có; qui hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CB-GV-NV từng năm đáp ứng yêu cầu phát triển lâu dài của nhà trường.

3. Thực hiện nghiêm túc công tác kiểm tra nội bộ; xây dựng tiêu chí đánh giá xếp loại CBVC hằng năm; đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên, chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng; tổ chức công tác bình xét thi đua công bằng, công khai, tạo động lực cho CBVC phấn đấu, phát triển.

4. Thực hiện đảm bảo quy chế dân chủ trường học; thực hiện nghiêm túc quy chế phối hợp với Công đoàn, Đoàn TN; tranh thủ sự phối hợp, hỗ trợ của Ban đại diện CMHS, Chi hội khuyến học trong việc phát triển nhà trường.

5. Triển khai thực hiện có hiệu quả công tác tự đánh giá theo Thông tư của Bộ GD&ĐT.

6. Xây dựng hệ thống thông tin trong nhà trường và thông tin với các cấp bảo đảm thông suốt, kịp thời, tăng cường ứng dụng CNTT trong công tác thông tin, truyền thông.

II. Chiến lược xây dựng đội ngũ:

1. củng cố, xây dựng tổ chức bộ máy, chức năng nhiệm vụ của CBVC phù hợp với quy định chung và nhu cầu thực tế để đội ngũ hoạt động đồng bộ, có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển của nhà trường;

2. Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, tạo điều kiện cho CBVC đào tạo nâng chuẩn; khuyến khích và có chế tài bắt buộc tự bồi dưỡng về chuyên môn, tin học, ngoại ngữ, tiếng dân tộc, đảm bảo sự phát triển lâu dài của nhà trường; thực hiện có hiệu quả thực hiện công tác bồi dưỡng thường xuyên giáo viên hằng năm.

3. Kiến nghị Sở GD&ĐT bổ sung GV giỏi, GV cốt cán về trường; chú trọng quy hoạch, đề bạt, phát huy năng lực đội ngũ hiện có; thực hiện đúng chế độ, chính sách cho CBVC.

4. Động viên, khích lệ CBVC phát huy sáng kiến xây dựng nhà trường, thực hành dân chủ rộng rãi đi đôi với tăng cường kỷ cương, trách nhiệm của CBVC; xây dựng tinh thần đoàn kết ở từng tổ chuyên môn và trong toàn trường;

5. Tiếp tục xây dựng văn hóa nhà trường, thực hiện nghiêm túc chuẩn mực về ứng xử văn hóa của CBVC trong các mối quan hệ; tăng cường xây dựng, giới thiệu gương người tốt, việc tốt trong CBVC.

6. Tạo điều kiện để CBVC được tham quan học tập các trường có chất lượng cao trong và ngoài tỉnh.

III. Chiến lược nâng cao chất lượng giáo dục:

1. Tổ chức dạy học các môn văn hóa 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6, dạy học 2 buổi/ngày); tăng thời lượng dạy học một số môn học, nhằm tăng cường ôn tập, củng cố, mở rộng kiến thức; bồi dưỡng học sinh giỏi; tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động ngoại khóa học tập, hoạt động giáo dục.

2. Phát hiện, bồi dưỡng năng khiếu, tiềm năng trong học sinh cả về năng khiếu các môn văn hóa, năng khiếu văn nghệ, thể thao, hoạt động xã hội,...Phát hiện, tổ chức bồi dưỡng học sinh có khả năng tham gia kỳ thi tuyển chọn đội tuyển học sinh giỏi quốc gia.

3. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học, tiếp cận phương pháp dạy học tích cực phù hợp với đặc thù bộ môn; tập trung dạy cách học, phương pháp tự học, tạo cơ sở để học sinh tự cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, nghiên cứu khoa học trong dạy và học.

4. Đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng chú trọng đánh giá phẩm chất và năng lực của học sinh; thực hiện đánh giá để giúp đỡ học sinh về phương pháp học tập, động viên sự cố gắng, hứng thú học tập của học sinh trong quá trình dạy học.

5. Bảo đảm chất lượng giáo dục toàn diện; tổ chức các hoạt động giáo dục, câu lạc bộ vào ngày thứ 7 hằng tuần nhằm tăng cường giáo dục kỹ năng mềm cho học sinh, góp phần phát triển năng lực cho học sinh, đáp ứng mục tiêu tạo nguồn cán bộ, trí thức cho các dân tộc.

6. Chú trọng tổ chức công tác giáo dục hướng nghiệp, trải nghiệm hướng nghiệp; phối hợp với các trường Cao đẳng tổ chức giáo dục kỹ năng nghề nghiệp cho học sinh; tổ chức cho HS tham quan các mô hình khởi nghiệp; nuôi dưỡng mục tiêu khởi nghiệp phù hợp với điều kiện miền núi.

7. Trên cơ sở kế hoạch, chương trình dạy học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo, nhà trường triển khai dạy

học ngoại khóa tiếng dân tộc của địa phương, giáo dục văn hóa dân tộc, nhằm góp phần giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc của học sinh.

IV. Chiến lược phát triển cơ sở vật chất:

1. Tích cực kiến nghị HĐND tỉnh phê duyệt Đề án phát triển giáo dục miền núi giai đoạn 2021-2025, trong đó có quy hoạch, đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất nhà trường theo hướng hiện đại, đạt chuẩn mức độ 2 về CSVC theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

2. Tăng cường đầu tư, mua sắm thiết bị dạy học hiện đại, phục vụ cho việc đổi mới phương pháp dạy học, hoạt động giáo dục, kiểm tra, đánh giá, tạo điều kiện để nghiên cứu, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học.

3. Thường xuyên thực hiện công tác duy tu, bảo dưỡng, chống xuống cấp CSVC; chú trọng công tác trang trí lớp học; lớp học xanh;

4. Tiếp tục củng cố nâng cao hiệu quả hoạt động thư viện đã được công nhận thư viện trường học xuất sắc; tăng cường ứng dụng CNTT vào công tác quản lý thư viện; đầu tư mua sách, tài liệu tham khảo; tổ chức hoạt động thư viện cả trong và ngoài giờ, đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của cán bộ, giáo viên và học sinh nội trú; xây dựng tủ sách lớp học; thư viện xanh.

5. Đầu tư mua sắm trang thiết bị, phương tiện và tổ chức tốt đời sống ăn, ở nội trú, chăm sóc sức khỏe của học sinh; các trang thiết bị làm việc văn phòng, làm việc của tổ bộ môn, phục vụ tốt công tác quản lý, dạy và học.

6. Tiếp tục củng cố nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin kết nối Internet đáp ứng yêu cầu quản lý và dạy học; nâng cấp và nâng cao hiệu quả hoạt động của trang thông tin điện tử hoạt động thường xuyên, hỗ trợ có hiệu quả cho công tác dạy học và quản lý nhà trường.

V. Chiến lược phát huy các mối liên hệ trong và ngoài nhà trường

1. Chủ động tham mưu, phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước, các đoàn thể, tổ chức ở tỉnh, các huyện miền núi và thành phố Hội An..., đề xuất những biện pháp cụ thể nhằm hỗ trợ phát triển nhà trường.

2. Phối hợp củng cố hoạt động của Ban đại diện CMHS, Hội khuyến học, nhằm bảo đảm kết hợp với nhà trường, gia đình và địa phương để giáo dục học sinh, hỗ trợ các điều kiện cho hoạt động giáo dục của nhà trường.

3. Củng cố Ban Liên lạc cựu học sinh tại các huyện, các địa bàn có đông cựu học sinh công tác, sinh sống nhằm tập hợp, phát huy truyền thống nhà trường, hỗ trợ tăng cường cho các hoạt động giáo dục, khuyến học của nhà trường.

4. Tổ chức, phối hợp với các lực lượng trong cộng đồng xã hội, nhất là trên địa bàn thành phố Hội An, nhằm tổ chức cho học sinh được giao lưu, học hỏi, tạo dựng niềm tin, giá trị đạo đức, văn hóa và tư vấn hướng nghiệp cho học sinh.

5. Thực hiện qui định về công khai điều kiện dạy học, chất lượng giáo dục, các nguồn kinh phí được đầu tư, hỗ trợ của nhà trường theo đúng qui định hiện hành.

PHẦN E: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. Tổ chức thực hiện:

1. Phổ biến kế hoạch:

- Dự thảo Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường được tổ chức lấy ý kiến rộng rãi trong toàn thể CBVC và Ban đại diện CMHS. Trên cơ sở góp ý của CBVC và Ban đại diện CMHS sẽ hoàn chỉnh Kế hoạch, trình Sở GD&ĐT phê duyệt.

- Kế hoạch chiến lược được phổ biến đến toàn thể CBVC các các lực lượng xã hội có liên quan và được công bố công khai trên cổng thông tin nhà trường.

- Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường thường xuyên được rà soát, bổ sung, điều chỉnh vào cuối mỗi năm học và cũng sẽ được lấy ý kiến trong CBVC về những nội dung điều chỉnh.

2. Xây dựng lộ trình:

2.1. Giai đoạn 1 (trong năm 2021): Rà soát, xây dựng, bổ sung CSVC, ... chuẩn bị các điều kiện đề nghị kiểm tra công nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng cấp độ 2, đạt chuẩn Quốc gia cấp độ 1 trong năm 2022.

2.2. Giai đoạn 2 (từ năm 2022 đến 2025): Tiếp tục duy trì giữ vững và nâng cao chất lượng các tiêu chuẩn trường PTDTNT, phấn đấu đạt chuẩn kiểm định chất lượng cấp độ 3 và đạt chuẩn quốc gia cấp độ 2 trong năm 2025.

2.3. Giai đoạn 3 (từ năm 2025 đến 2030): Hoàn thành các mục tiêu Kế hoạch chiến lược phát triển giáo dục; hoàn thành xây dựng CSVC, trang thiết bị

II. Phân công trách nhiệm từng bộ phận, cá nhân

1. Đối với Hiệu trưởng

- Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Kế hoạch chiến lược và các tiểu ban giúp việc cho Ban chỉ đạo, trong đó Hiệu trưởng là Trưởng Ban chỉ đạo.

- Tổ chức phổ biến và chỉ đạo triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược tới từng cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường.

- Thành lập Ban kiểm tra và đánh giá thực hiện kế hoạch trong từng năm học và thực hiện rà soát, điều chỉnh kế hoạch.

2. Đối với các Phó Hiệu trưởng

- Giúp Hiệu trưởng tổ chức triển khai thực hiện các giải pháp kế hoạch chiến lược thuộc phạm vi được phân công phụ trách;

- Theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện, tham mưu Hiệu trưởng điều chỉnh kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế;

3. Đối với Tổ trưởng các tổ chuyên môn, tổ công tác

- Xây dựng kế hoạch, cụ thể hóa các giải pháp và triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược trong phạm vi trách nhiệm của tổ;

- Tổ chức kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch của các thành viên trong tổ; kiến nghị, đề xuất điều chỉnh kế hoạch hằng năm.

4. Các đoàn thể

- Tuyên truyền, vận động CBVC và HS tích cực thực hiện các giải pháp kế hoạch chiến lược;

- Phối hợp với chính quyền triển khai thực hiện các giải pháp chiến lược liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, chương trình công tác của các đoàn thể.

PHẦN G: KIẾN NGHỊ-ĐỀ XUẤT

Cơ sở vật chất Trường PTDTNT tỉnh xây dựng đã lâu nay đến giai đoạn xuống cấp. Việc đầu tư cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất của nhà trường, tạo điều kiện để nâng cao chất lượng giáo dục là rất cần thiết và đã được Tỉnh ủy thống nhất chủ trương cho lập Đề án phát triển nhà trường.

Theo đó, năm 2015 Sở GD&ĐT đã lập Đề án trình UBND tỉnh và vừa qua, theo chỉ đạo của UBND tỉnh, Đề án được xây dựng chung trong Đề án phát triển giáo dục miền núi, trình HĐND tỉnh.

Kính đề nghị Sở GD&ĐT quan tâm tham mưu HĐND tỉnh, UBND tỉnh sớm phê duyệt đề án để triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT Quảng Nam;
- Tổ chuyên môn, tổ công tác;
- Công đoàn, Đoàn TN; Hội KH; Ban đại diện CMHS;
- GVCN các lớp;
- Lưu: VT, VP



HIỆU TRƯỞNG

Lê Đức Sơn